TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G NAM THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 438/2019/HNGĐ-ST Ngày: 30-8-2019 *V/v ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trần Quang Mẫn

Ông Võ Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30-8-2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 241/2019/TLST-HNGĐ ngày 03-6-2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3471/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-8-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Minh Q, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số 16B đường A, phường B, Quận G, Thành phố H

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1988
Địa chỉ: Số 16B đường A, phường B, Quận G, Thành phố H **NỘI**

DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ông Lý Minh Q nguyên đơn trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị Minh T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Quận G (Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2011, quyển 1/2011 ngày 06-7-2011).

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, bà T không chăm lo gia đình và quan hệ không tốt với gia đình chồng. Hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Nay ông Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lý Hạo M, sinh ngày 30-GG-20GG và Lý Hạo N, sinh ngày 23-11-2013. Ông Q đồng ý giao 02 con cho bà T nuôi dưỡng. Ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/trẻ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

** Bà Phạm Thị Minh T là bị đơn trình bày:*

Bà T xác nhận trình bày của ông Q về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng là đúng, tuy nhiên vợ chồng chung sống mâu thuẫn là chuyện bình thường. Bản thân bà vẫn còn tình cảm với chồng, gia đình chồng nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp Toà xử cho ly hôn, bà T đồng ý nuôi 02 con chung và nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, hai bên đương sự giữ nguyên ý kiến về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn là bà Phạm Thị Minh T, cư trú tại Số 16B đường A, phường B, Quận G, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận G, Thành phố H.

[2] Ông Lý Minh Q và bà Phạm Thị Minh T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, Quận G (Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2011, quyển 1/2011 ngày 06-7-2011) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn

[4] Theo nguyên đơn trình bày: Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, bị đơn không chăm lo gia đình và quan hệ không tốt với gia đình chồng. Hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Nay nguyên đơn nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn. Phía bị đơn xác nhận quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng đúng như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên bị đơn cho rằng vợ chồng chung sống mâu thuẫn là chuyện bình thường, bị đơn vẫn còn tình cảm với chồng, gia đình chồng nên không đồng ý ly hôn.

[5] Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, vun đắp hạnh phúc từ hai phía. Qua lời khai của vợ chồng trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên toà thể hiện tình cảm vợ chồng của nguyên đơn đối với bị đơn không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[6] Về con chung: Có 02 con chung tên Lý Hạo M, sinh ngày 30-11-2011 và Lý Hạo N, sinh ngày 23-11-2013. Nguyên đơn đồng ý giao 02 con cho bị đơn nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/trẻ; bắt đầu từ tháng 9 năm 2019 đến khi các con đủ 18 tuổi. Phía bị đơn có ý kiến trong trường hợp Toà xử cho ly hôn, bị đơn đồng ý nuôi 02 con chung và nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, thoả thuận của hai bên về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình, đồng thời phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của trẻ Lý Hạo M trong bản khai tại Toà. [7] Về tài sản chung: Hai bên khai không có [8] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí về tranh chấp ly hôn 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 27G và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/20G6/UBTVQHG4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lý Minh Q ly hôn bà Phạm Thị Minh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2011, quyển 1/2011 ngày 06-7-2011 do Uỷ ban nhân dân phường B, Quận G cấp)

Về con chung: Giao hai con chung tên Lý Hạo M, sinh ngày 30-11-2011 và Lý Hạo N, sinh ngày 23-11-2013 cho bà Phạm Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lý Minh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí AA/2018/0007574 ngày 29-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G;

Nguyên đơn còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Minh T có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Lý Minh Q chưa thi hành thì hàng tháng ông Q còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn G5 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Quỳnh Trâm